

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN NĂM HỌC 2017-2018

Khoa: Công nghệ Điện - Điện tử

S TT	LỚP	SĨ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém			
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Cao đẳng																					
Ngành: Điện công nghiệp																					
1	15CĐ-ĐCN1	55		8	47	2	3.64	1	1.82	9	16.36	28	50.91	12	21.82	1	1.82	0	0.00	2	
2	15CĐ-ĐCN2	54		11	43	3	5.56	1	1.85	7	12.96	20	37.04	19	35.19	1	1.85	0	0.00	3	
3	15CĐ-ĐCN3	51		10	41	0	0.00	2	3.92	3	5.88	22	43.14	23	45.10	0	0.00	0	0.00	1	
4	15CĐ-ĐCN4	53		9	44	0	0.00	1	1.89	6	11.32	15	28.30	20	37.74	7	13.21	0	0.00	4	
5	16CĐ-ĐCN1	52		8	44	0	0.00	1	1.92	1	1.92	18	34.62	29	55.77	2	3.85	0	0.00	1	
6	16CĐ-ĐCN2	51	1	13	38	0	0.00	0	0.00	5	9.80	17	33.33	20	39.22	2	3.92	0	0.00	7	
7	16CĐ-ĐCN3	52		12	40	0	0.00	0	0.00	2	3.85	20	38.46	19	36.54	5	9.62	0	0.00	6	
8	16CĐ-ĐCN4	48		13	35	0	0.00	1	2.08	5	10.42	18	37.50	19	39.58	3	6.25	0	0.00	2	
9	16CĐ-ĐCN5	50		10	40	0	0.00	3	6.00	0	0.00	23	46.00	23	46.00	1	2.00	0	0.00	0	
10	17C1-ĐCN1	59		11	48	0	0.00	1	1.69	6	10.17	28	47.46	13	22.03	1	1.69	0	0.00	10	
11	17C1-ĐCN2	58		10	48	0	0.00	3	5.17	23	39.66	24	41.38	2	3.45	1	1.72	0	0.00	5	
12	17C1-ĐCN3	64		18	46	0	0.00	3	4.69	10	15.63	25	39.06	4	6.25	1	1.56	0	0.00	21	
13	17C1-ĐCN4	62		11	51	1	1.61	3	4.84	17	27.42	20	32.26	6	9.68	0	0.00	0	0.00	15	
14	16CĐ-LTĐ	19		4	15	0	0.00	0	0.00	3	15.79	16	84.21	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	
CỘNG 14 Lớp		728	1	148	580	6	0.82	20	2.75	97	13.32	294	40.38	209	28.71	25	3.43	0	0.00	77	
Ngành: Điện tử công nghiệp																					
1	15CĐ-ĐTCN1	41	1	6	35	0	0.00	2	4.88	8	19.51	21	51.22	9	21.95	1	2.44	0	0.00	0	
2	16CĐ-ĐTCN1	46		15	31	0	0.00	1	2.17	2	4.35	12	26.09	26	56.52	3	6.52	0	0.00	2	
3	17C1-ĐTC1	30		9	21	0	0.00	1	3.33	3	10.00	10	33.33	6	20.00	2	6.67	0	0.00	8	
CỘNG 03 Lớp		117	1	30	87	0	0.00	4	3.42	13	11.11	43	36.75	41	35.04	6	5.13	0	0.00	10	

S TT	LỚP	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém		
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử																				
1	17C1-ĐĐT1	52	1	16	36	0	0.00	1	1.92	5	9.62	29	55.77	10	19.23	1	1.92	0	0.00	6
2	17C1-ĐĐT2	56	2	10	46	1	1.79	3	5.36	6	10.71	23	41.07	11	19.64	5	8.93	0	0.00	7
3	17C1-ĐĐT3	50	1	11	39	0	0.00	3	6.00	13	26.00	14	28.00	3	6.00	2	4.00	0	0.00	15
4	17C1-ĐĐT4	54	1	17	37	0	0.00	0	0.00	2	3.70	16	29.63	20	37.04	7	12.96	0	0.00	9
5	17C2-ĐĐT1	29		8	21	0	0.00	1	3.45	17	58.62	7	24.14	3	10.34	1	3.45	0	0.00	0
CỘNG 04 Lớp		241	5	62	179	1	0.41	8	3.32	43	17.84	89	36.93	47	19.50	16	6.64	0	0.00	37
Ngành: Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử																				
1	17C1-CĐT1	68		14	54	0	0.00	0	0.00	1	1.47	13	19.12	34	50.00	6	8.82	0	0.00	14
CỘNG 01 Lớp		68	0	14	54	0	0.00	0	0.00	1	1.47	13	19.12	34	50.00	6	8.82	0	0.00	14
Ngành: Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động																				
1	15CĐ-TĐH1	38		14	24	0	0.00	2	5.26	5	13.16	19	50.00	10	26.32	1	2.63	0	0.00	1
2	16CĐ-TĐH1	41	1	11	30	1	2.44	1	2.44	3	7.32	12	29.27	21	51.22	3	7.32	0	0.00	0
3	17C1-TĐH1	57		15	42	1	1.75	0	0.00	2	3.51	26	45.61	20	35.09	2	3.51	0	0.00	6
CỘNG 03 Lớp		136	1	40	96	2	1.47	3	2.21	10	7.35	57	41.91	51	37.50	6	4.41	0	0.00	7
Trung cấp																				
Ngành: Điện Công nghiệp và Dân dụng																				
1	15TC-Đ	11		7	4	0	0.00	0	0.00	5	45.45	5	45.45	1	9.09	0	0.00	0	0.00	0
2	16TN-Đ	6		0	6	0	0.00	0	0.00	2	33.33	4	66.67	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0
	16TCT-Đ	27		8	19	0	0.00	0	0.00	1	3.70	12	44.44	10	37.04	0	0.00	0	0.00	4
CỘNG 02 Lớp		44	0	15	29	0	0.00	0	0.00	8	18.18	21	47.73	11	25.00	0	0.00	0	0.00	4
Ngành: Điện Công nghiệp																				
1	15TCN-Đ	21		17	4	0	0.00	0	0.00	2	9.52	3	14.29	5	23.81	6	28.57	1	4.76	4
2	16TCN-Đ	41		27	14	0	0.00	1	2.44	5	12.20	12	29.27	15	36.59	8	19.51	0	0.00	0
3	17T2-ĐCN1	26		11	15	0	0.00	1	3.85	1	3.85	11	42.31	10	38.46	0	0.00	0	0.00	3
4	17T4-ĐCN1	43	1	32	11	0	0.00	0	0.00	2	4.65	4	9.30	18	41.86	4	9.30	0	0.00	15
5	17T4-ĐCN2	42		30	12	0	0.00	0	0.00	5	11.90	9	21.43	16	38.10	3	7.14	0	0.00	9
CỘNG 05 Lớp		173	1	117	56	0	0.00	2	1.16	15	8.67	39	22.54	64	36.99	21	12.14	1	0.58	31

S TT	LỚP	SĨ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém		
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Điện tử Công nghiệp																				
1	15TCN-ĐT	25		21	4	0	0.00	4	16.00	8	32.00	9	36.00	0	0.00	1	4.00	0	0.00	3
2	16TCN-ĐT	34		30	4	0	0.00	3	8.82	5	14.71	12	35.29	6	17.65	4	11.76	4	11.76	0
3	17T4-ĐTC1	37	1	29	8	0	0.00	0	0.00	0	0.00	2	5.41	11	29.73	11	29.73	0	0.00	13
CỘNG 03 Lớp		96	1	80	16	0	0.00	7	7.29	13	13.54	23	23.96	17	17.71	16	16.67	4	4.17	16
Ngành: Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử																				
1	17T4-ĐĐT1	63	1	56	7	0	0.00	0	0.00	2	3.17	6	9.52	34	53.97	10	15.87	0	0.00	11
CỘNG 01 Lớp		63	1	56	7	0	0.00	0	0.00	2	3.17	6	9.52	34	53.97	10	15.87	0	0.00	11
TỔNG CỘNG (36 LỚP)		1666	11	562	1104	9	0.54	44	2.64	202	12.12	585	35.11	508	30.49	106	6.36	5	0.30	207

* Ghi chú: Tổng số HSSV = 1.666 HSSV. Trong đó có 207 HSSV không xếp loại. Lý do: Nghi học không đánh giá rèn luyện cá nhân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 0 năm 2018

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT - HSSV



Hoàng Ngọc Cảnh

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh

- Từ TB trở lên = 1.348 80.91
 - Yếu Kém = 111 6.66
 - Không xếp loại = 207 12.42